

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA**

Số: 40/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Krông Pa, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**KẾ HOẠCH
Thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2021**

Căn cứ Nghị quyết 06-NQ/ĐH của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 01-NQ/HU Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVII về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021; Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp thứ mười bốn về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và thông qua kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2021.

Triển khai Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021. Phát huy những kết quả đạt được trong tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo của năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020, UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021 với các nội dung trọng tâm sau sau:

I/ THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM 2021:

Theo tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Quyết định 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, qua rà soát toàn huyện còn 9 xã khu vực III, 2 xã khu vực II và 3 xã thuộc khu vực I.

Đến cuối năm 2020, dân số toàn huyện là 90.330 người với 19.886 hộ dân. Qua rà soát, toàn huyện còn 2.342 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11,78% trong tổng số hộ dân cư; trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số với 2.151 hộ, chiếm 91,84% trong tổng số hộ nghèo và chiếm 16,48% trong tổng số hộ dân cư dân tộc thiểu số; hộ cận nghèo đến cuối năm với 2.837 hộ, chiếm tỷ lệ 14,37% trong tổng số hộ dân cư. Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo toàn huyện chiếm trên 26% trong tổng số hộ dân; hộ nghèo DTTS và hộ cận nghèo DTTS chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số hộ nghèo, cận nghèo với trên 88%.

Với đặc điểm là một huyện miền núi vùng cao, đời sống của người dân còn khó khăn, thiếu thốn về nhiều mặt; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn lớn và đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đại đa số; lực lượng lao động trong độ tuổi đông nhưng trình độ, chất lượng còn thấp; công tác giải quyết việc làm cho lao động gấp nhiều khó khăn; còn tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu trong đời sống và sản xuất; sự tác động của dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và đặc biệt ảnh hưởng của đại dịch Covid còn phức tạp... là những thách thức, trở ngại trong quá trình thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện nói chung và việc thực hiện nhiệm

vụ giảm nghèo có hiệu quả, bền vững nói riêng. Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm tham gia, nỗ lực thực hiện của cả hệ thống chính trị trong toàn huyện, đặc biệt là vị trí, vai trò của cấp ủy, chính quyền cấp xã và quá trình tham gia, ý thức nỗ lực vươn lên của bản thân hộ nghèo, hộ cận nghèo.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Luôn xác định chương trình giảm nghèo là một chủ trương lớn, một nhiệm vụ chính trị quan trọng và cấp thiết nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững gắn với đảm bảo an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững không những nâng cao đời sống kinh tế mà nó còn cải thiện nhiều vấn đề xã hội, thu hẹp khoảng cách về mức sống, chất lượng cuộc sống giữa các vùng dân cư, giữa các thành phần dân tộc, giữa thành thị và nông thôn, thực hiện công bằng xã hội.

2. Quán triệt việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo phải bám sát vào chỉ tiêu của tinh giao và chỉ tiêu được đề ra theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện để chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành. Kết quả giảm nghèo phải thực chất, đảm bảo hiệu quả và bền vững, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng tái nghèo.

3. Huy động được sự tham gia và phát huy trách nhiệm, sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và bản thân của từng gia đình nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện chương trình. Huy động và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho công tác giảm nghèo; quan tâm ưu tiên đầu tư hỗ trợ cho các xã, các thôn buôn có tỷ lệ hộ nghèo cao, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

4. Từng ngành, từng cơ quan đơn vị và các địa phương theo lĩnh vực phụ trách và chức năng của mình có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo đảm bảo kịp thời, cụ thể.

III/ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu:

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo hướng nhanh và bền vững. Tạo cơ hội phát triển để người nghèo, hộ nghèo ổn định và đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập, vượt qua nghèo đói, vươn lên khá giả, thoát nghèo bền vững; tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân ở vùng nông thôn khó khăn, vùng miền núi, vùng đồng bào DTTS; giảm thiểu khoảng cách, mức chênh lệch lớn về thu nhập, mức sống và mức độ thiếu hụt các chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản giữa các địa phương, khu vực, nhóm dân cư; thực hiện hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ huyện và Hội đồng nhân dân huyện đề ra năm 2021.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (*Quyết định 59/2015/QĐ-TTg*) toàn huyện còn 8,48%, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo là 3,30%, số hộ nghèo giảm trong năm là 625 hộ (*Chỉ tiêu cụ thể theo Phụ lục 1*).

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS còn 11,92%, mức giảm đạt 4,56%, số hộ nghèo DTTS giảm trong năm là 582 hộ (*Chỉ tiêu cụ thể theo Phụ lục 2*).
- Giảm tích cực các chỉ tiêu thiếu hụt đa chiều về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch vệ sinh môi trường và tiếp cận thông tin (*Chỉ tiêu cụ thể theo Phụ lục 3*)
- Phấn đấu hỗ trợ, giúp đỡ cho 12 hộ cận nghèo là gia đình chính sách người có công với cách mạng có đủ các điều kiện để vươn lên thoát cận nghèo.
- Tập trung các nguồn lực để đầu tư và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo, đảm bảo hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình; nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, tập thể, cá nhân trong tổ chức thực hiện chương trình:

Trên cơ sở kế hoạch này, với các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, các cơ quan đơn vị huyện, UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm cụ thể hóa bằng việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện giảm nghèo của ngành, của địa phương để chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Đối với các ngành, các cơ quan, đơn vị huyện: sớm tham mưu, xây dựng kế hoạch chỉ đạo, văn bản hướng dẫn triển khai chương trình, các chính sách, các dự án, các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo, xác định rõ cơ chế phối hợp, tiến độ triển khai và thời hạn hoàn thành. Làm tốt công tác hướng dẫn, giúp xã, giúp thôn buôn thực hiện giảm nghèo bền vững; thường xuyên kiểm tra, giám sát giảm nghèo tại địa bàn được phân công (*Danh sách phân công theo phụ lục 4* gửi kèm).

- Đối với UBND các xã, thị trấn: xây dựng và kịp thời ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021 với các chỉ tiêu phấn đấu theo hướng cao hơn chỉ tiêu huyện giao để chỉ đạo thực hiện; kế hoạch được xây dựng phải chi tiết, cụ thể về các hoạt động, các giải pháp thực hiện, có sự phân công nhiệm vụ, trách nhiệm tham gia của các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, công chức ở cấp xã, cấp thôn; Chỉ đạo các thôn buôn làm tốt công tác hướng dẫn cho hộ nghèo đăng ký thoát nghèo, phân tích rõ nguyên nhân nghèo, sự thiếu hụt trong tiếp cận các dịch vụ xã hội của từng hộ, trên cơ sở đó phân công nhiệm vụ, lực lượng phụ trách hướng dẫn, giúp đỡ trong tiếp cận các chính sách hỗ trợ, hướng dẫn cách làm ăn, phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống để đảm bảo tất cả các hộ gia đình đăng ký thoát nghèo đều được hỗ trợ, thụ hưởng chính sách, vươn lên thoát nghèo trong năm, phấn đấu thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu toàn huyện giảm 625 hộ nghèo đền ra trong năm 2021. Đối với các xã còn hộ chính sách người có công với cách mạng nằm trong diện hộ cận nghèo, yêu cầu có kế hoạch trợ giúp riêng để hỗ trợ, giúp đỡ, phấn đấu đến cuối năm 2021, không còn hộ chính sách nghèo, cận nghèo. Hoàn thành việc xây dựng kế hoạch và báo cáo danh sách hộ đăng ký thoát nghèo trước 06/4/2021.

2. Đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động thực hiện giảm nghèo, đặc biệt là giảm nghèo trong đồng bào DTTS:

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo bền vững; chương trình, kế hoạch thực hiện giảm nghèo của tỉnh, huyện; các phong trào thi đua giảm nghèo theo định hướng chỉ đạo của tỉnh, huyện; các tiến bộ về khoa học công nghệ, các phương pháp cách làm hay, các mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả cao để nhân dân ứng dụng vào sản xuất, nâng cao năng suất, cải thiện thu nhập và kinh tế hộ; tích cực tuyên truyền các giá trị tốt đẹp, các tiến bộ thuộc về bản sắc văn hoá của từng dân tộc, từng cộng đồng dân cư để nhân dân giữ gìn, phát huy, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, đồng bào DTTS từng bước thay đổi, hạn chế dần những giá trị văn hoá tinh thần đã cũ, lạc hậu, hiện nay không còn phù hợp; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thông tin công khai danh sách từng nhóm đối tượng và công khai các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội để nhân dân theo dõi, nắm bắt và thực hiện các quyền của mình.

- Đề nghị UBMTTQ và các Hội đoàn thể huyện tích cực chỉ đạo mặt trận, hội, đoàn thể các cấp trong toàn huyện tăng cường tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền vận động nhân dân, đồng bào DTTS trong thực hiện giảm nghèo. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “*làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào DTTS để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*” gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” với nhiều hình thức, việc làm thiết thực, tạo sự lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng dân cư. Hướng các nội dung công tác tuyên truyền vận động đổi mới với việc tạo sự thay đổi trong nhận thức của người nghèo, đồng bào DTTS trong việc tiếp nhận, sử dụng có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của nhà nước; khơi dậy ý thức, trách nhiệm của cộng đồng dân cư và bản thân hộ nghèo đổi mới với việc thực hiện giảm nghèo; tuyên truyền để cho người nghèo, đồng bào DTTS giảm dần tiến tới xoá bỏ các hủ tục trong phong tục tập quán, đời sống. Phát huy hiệu quả triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua để giúp đỡ các gia đình hội viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo như “*Hủ gạo tình thương, mái ấm tình thương*”; Quỹ “*Nghĩa tình đồng đội*”; Quỹ “*Mái ấm Công đoàn*”.

- Phòng Lao động TBXH huyện tiếp tục phối hợp với Trung tâm Văn hoá Thông tin Thể thao huyện duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động truyền thông qua việc cập nhật các tin bài, phóng sự của chuyên mục giảm nghèo của huyện để phát thanh trên hệ thống đài của huyện và hệ thống loa phát thanh tại các thôn, buôn, TDP.

- Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện tổ chức đưa tin tuyên truyền trên hệ thống phát thanh của huyện và hệ thống phát thanh cầu xã, thôn về các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình hành động thực hiện giảm nghèo của trung ương, của tỉnh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh của huyện về thực hiện giảm nghèo năm 2021; các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội được áp dụng, triển khai trên địa bàn huyện năm 2021 và giai đoạn 2021-2025. Tuyên truyền về chuẩn nghèo đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2021-2025

và quy trình hướng dẫn việc điều tra, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo đa chiều. Chú trọng xây dựng các tin bài phản ánh về tình hình, kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trọng tâm như: chính sách hỗ trợ về giáo dục đào tạo, chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng, chính sách bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, xuất khẩu lao động, giải quyết việc làm...; giới thiệu những cách làm hay, những giải pháp, sáng kiến giảm nghèo sát thực tế, mang lại hiệu quả để tuyên truyền, nhân rộng; tuyên truyền đối với những gương người tốt, việc tốt trong công tác hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo trong cuộc sống; Các điển hình về nghị lực, ý chí vươn lên của hộ nghèo trong lao động sản xuất, làm kinh tế giỏi, thoát nghèo bền vững; tình hình, kết quả triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, các dự án, hoạt động thuộc chương trình giảm nghèo bền vững của huyện và các xã, thị trấn; công tác tổ chức sơ kết, tổng kết chương trình của cấp huyện, cấp xã;

- Các cơ quan, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn, các thôn buôn, TDP quan tâm triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động thực hiện giảm nghèo với các hình thức phù hợp, có hiệu quả.

3. Tập trung các nguồn lực để thực hiện giảm nghèo bền vững:

Phát huy các tiềm năng, thế mạnh, nguồn nội lực của huyện trong phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững; tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tích cực huy động các nguồn tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức, các mạnh thường quân; bố trí hợp lý nguồn ngân sách huyện cho thực hiện mục tiêu giảm nghèo; huy động sự đóng góp của nhân dân, cộng đồng dân cư trong thực hiện giảm nghèo; đảm bảo quá trình tiếp nhận, sử dụng các nguồn lực được thực hiện đúng quy định pháp luật, kịp thời và có hiệu quả.

4. Kịp thời tổ chức triển khai các chính sách, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

4.1. Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Thực hiện lồng ghép và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, ưu tiên sử dụng vốn đầu tư các công trình, dự án hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân ở các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, các thôn buôn có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn làm tốt công tác rà soát danh mục các công trình cần đầu tư xây dựng mới hoặc duy tu bão dưỡng để đăng ký nhu cầu vốn. Phòng Tài chính Kế hoạch huyện tham mưu triển khai kịp thời nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thị trấn và hướng dẫn các xã, thị trấn sử dụng, thanh quyết toán nguồn vốn đúng quy định.

4.2. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất:

- Chủ động và tích cực triển khai các nguồn vốn thuộc các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong năm đảm bảo kịp thời, đúng quy định và chặt chẽ từ khâu xét chọn đúng đối tượng hỗ trợ, trình phê duyệt dự án và tổ chức

thực hiện dự án. Thông tin công khai chính sách hỗ trợ để nhân dân, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện chính sách. Tổ chức thực hiện kịp thời việc cấp phát giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp thuộc dự án hỗ trợ để nhân dân đưa vào sản xuất đúng mùa vụ, phát huy hiệu quả thực hiện chính sách.

- Phòng Tài chính Kế hoạch tham mưu thực hiện kịp thời việc giao nguồn vốn cho các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn. Phòng Nông nghiệp Phát triển nông thôn huyện chủ động và kịp thời hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai việc lập dự án. UBND các xã, thị trấn làm tốt việc lập dự án và sớm triển khai công tác hỗ trợ cho đối tượng hưởng lợi. Quá trình triển khai dự án, các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn cần quan tâm làm tốt công tác tập huấn để cung cấp các kiến thức, kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi cho các hộ dân; cùng với đó, hướng dẫn nhân dân ứng dụng các phương pháp, cách làm mới, các kỹ thuật mới vào sản xuất để tăng năng suất, hiệu quả sản xuất, quan tâm thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

4.3. Chương trình truyền thông và giảm nghèo về thông tin:

- Tổ chức tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo, các kinh nghiệm, mô hình giảm nghèo, gương điển hình vượt khó vươn lên thoát nghèo; Đa dạng hóa các hình thức thông tin và tuyên truyền về giảm nghèo thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình, tờ rơi, áp phích, hội nghị, bản tin chuyên đề và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội thi với chủ đề giảm nghèo phù hợp với tâm lý, tập quán của người dân, của các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng ý chí quyết tâm vượt nghèo, khuyến khích tự lực, vươn lên thoát nghèo bền vững. Rà soát, nắm chắc số hộ gia đình nghèo còn thiếu các phương tiện tiếp cận thông tin để đề xuất và kịp thời hỗ trợ; đầu tư hoàn thiện hệ thống phát thanh từ huyện đến cơ sở.

- Phòng Lao động TBXH huyện tiếp tục phối hợp với Trung tâm Văn hoá Thông tin huyện duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động của chuyên mục giảm nghèo được xây dựng; nghiên cứu, tham mưu triển khai các hoạt động truyền thông về giảm nghèo thông qua hình thức tờ rơi, pa no, đồi thoại chính sách. Phòng Văn hoá Thông tin huyện tham mưu thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thông tin tuyên truyền đối với cấp huyện và cấp xã để người dân được tiếp cận, tham gia các hoạt động và thụ hưởng văn hoá thông tin tại cơ sở; phối hợp triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS các thiết bị tiếp cận thông tin như ti vi, đầu thu kỹ thuật số, radio; tổ chức tốt các hoạt động, các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao tại cơ sở để nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thực hiện giảm nghèo với các hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân trong tham gia thực hiện giảm nghèo; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của đài xã và thôn buôn.

4.4. Chương trình nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng dân cư:

- Thường xuyên kiểm tra, tổ chức cung cấp, kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã; tổ chức tốt các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, cấp xã và nâng cao nhận thức cho người dân, cộng đồng dân cư tại các thôn, buôn đặc biệt khó khăn; các nội dung cần tập trung vào việc hướng dẫn các kỹ năng cho cán bộ cấp cơ sở trong tham mưu, tổ chức thực hiện chương trình; trực tiếp giới thiệu các tiến bộ của khoa học công nghệ, các mô hình hay, các sáng kiến có hiệu quả trong thực tiễn để người dân học tập, ứng dụng vào sản xuất, phát triển kinh tế.

- Phòng Lao động TBXH huyện tổ chức tốt công tác tập huấn nâng cao năng lực thực hiện chương trình giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo cấp cơ sở; Phòng Dân tộc huyện phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các hoạt động tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn buôn đặc biệt khó khăn; Các xã, thị trấn phối hợp cử cán bộ cơ sở và người dân ở cộng đồng tham gia các chương trình hội nghị, tập huấn do các cơ quan, đơn vị tổ chức đầy đủ.

4.5. Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình:

Trong quá trình thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội cần làm tốt công tác kiểm tra, giám sát từ khâu triển khai đến việc đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhằm đảm bảo việc tổ chức thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo đến đúng đối tượng, đúng chế độ, không để xảy ra sai phạm chính sách. Chú trọng thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện chương trình và tổ chức các hoạt động sơ kết, tổng kết kịp thời, đầy đủ.

Đối với cấp huyện, giao Phòng Lao động TBXH huyện tham mưu xây dựng và hướng dẫn Thành viên Ban chỉ đạo huyện thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững đổi mới địa bàn được phân công theo định kỳ 6 tháng, cả năm và tham mưu làm tốt công tác báo cáo, sơ kết, tổng kết. Thành viên Ban chỉ đạo huyện có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát giảm nghèo tại địa bàn được phân công và báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định. Đề nghị Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện, các Hội đoàn thể huyện tiếp tục triển khai các hoạt động giám sát việc triển khai các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo được triển khai trên địa bàn huyện.

Đối với các xã, thị trấn: triển khai thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát giảm nghèo cùng với quá trình triển khai thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo; Hội đồng nhân dân cấp xã và các Ban, hội đoàn thể cấp xã tiếp tục phát huy trách nhiệm và hoạt động của mình trong kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo được triển khai trên địa bàn.

5. Tăng cường công tác phối hợp, triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án liên quan đến giảm nghèo đa chiều:

5.1. Chính sách hỗ trợ về giáo dục:

- Tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định các chế độ hỗ trợ về miễn giảm học phí, chi phí học tập, chính sách nội trú, trợ cấp lương thực và các chế độ ưu đãi khác, đặc biệt quan tâm đến học sinh là trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, con gia đình hộ nghèo, không để xảy ra tình trạng học sinh phải bỏ học giữa chừng vì gia đình khó khăn; Rà soát, đề xuất đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất tại các trường học, đặc biệt là các điểm trường ở các thôn, buôn, địa bàn khó khăn. Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng công tác giáo dục ở hệ thống các trường mẫu giáo, tiểu học, THCS, THPT và các trường dân tộc nội trú, bán trú. Tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chế độ, chính sách hỗ trợ cho giáo viên.

- Đối với nhóm chỉ tiêu này, giao Phòng Giáo dục-Đào tạo huyện tham mưu triển khai tốt các giải pháp nâng cao tỷ lệ tiếp cận về giáo dục đối với người lớn và trẻ em, tăng tỷ lệ học sinh đến trường các cấp học, giảm thiểu về mức chênh lệch trong tiếp cận giáo dục giữa các khu vực, đặc biệt đối với vùng đồng bào DTTS; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện kịp thời phối hợp với các cơ quan đơn vị, các xã thị trấn tổ chức có hiệu quả, chất lượng các lớp bồi túc văn hoá; đề nghị Hội Khuyến học huyện tích cực triển khai các chương trình khuyến học, xây dựng xã hội học tập, phát động phong trào thi đua học tập thường xuyên, học tập suốt đời, thúc đẩy việc học tập trong mỗi gia đình, mỗi dòng họ, từng cộng đồng dân cư; yêu cầu UBND các xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền các quy định, các chính sách hỗ trợ trong giáo dục đào tạo để nhân dân nắm bắt, đặc biệt là các chế độ hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập, chính sách nội trú áp dụng đối với sinh viên học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách biết thông tin, nộp hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, đảm bảo quyền lợi của người học và gia đình. Tổ chức thực hiện tốt các phong trào, các hoạt động về khuyến học, xây dựng xã hội học tập ở địa phương.

5.2. Chính sách hỗ trợ về y tế:

- Tiếp tục triển khai các quy định của Luật Bảo hiểm y tế được sửa đổi bổ sung năm 2014; Nghị định 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2019 của Bộ Lao động TBXH về việc hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động TBXH quản lý. Trên địa bàn huyện, phần lớn người dân nằm trong diện được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế (chỉ còn người kinh ở khu vực I, II và đồng bào DTTS khu vực I không thuộc nhóm đối tượng được ngân sách đóng), do đó cần làm tốt công tác tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế sâu rộng đến với nhân dân, từng người dân nắm rõ quyền lợi chính sách của mình để tham gia thực hiện chính sách. Phối hợp thực hiện tốt các khâu từ công tác rà soát, thông kê, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và công tác quản lý tăng giảm đối tượng định kỳ hàng tháng, đảm bảo tất cả các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách đều

được cấp thẻ BHYT đầy đủ, kịp thời, thông tin đúng và chính xác; báo giảm kịp thời, đúng quy định các đối tượng chết, chuyển đi nơi khác.... Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn các nhóm đối tượng chưa được ngân sách nhà nước hỗ trợ mua thẻ BHYT chủ động lựa chọn, tham gia hình thức bảo hiểm y tế tự nguyện nhằm mục đích mở rộng, tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế và các chế độ, quyền lợi khi tham gia khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế.

- Giao Phòng Lao động TBXH huyện tham mưu làm tốt công tác quản lý nhà nước liên quan đến việc triển khai chính sách bảo hiểm y tế cho nhân dân; thực hiện tốt công tác quản lý đối tượng, thường xuyên kiểm tra, rà soát đối tượng thuộc diện quản lý để lập hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp bổ sung thẻ, đảm bảo quyền lợi của đối tượng. Bảo hiểm xã hội huyện tăng cường công tác hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác rà soát, lập hồ sơ đề nghị cấp mới, gia hạn hoặc báo giảm thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ mức đóng và tổ chức thực hiện tốt việc bàn giao, giám sát việc cấp phát thẻ đến đối tượng đảm bảo đầy đủ, kịp thời; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm tự nguyện, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh cho nhân dân; chỉ đạo trạm y tế các xã, thị trấn thực hiện tốt việc trực, khám sức khoẻ ban đầu cho người dân, chú trọng khâu tuyên truyền và hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng ngừa với các loại dịch bệnh. Phòng Y tế huyện phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và thể thao huyện thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách bảo hiểm y tế, chính sách khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt việc quản lý đối tượng, công tác rà soát, lập danh sách đối tượng tham gia, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đảm bảo kịp thời, đầy đủ; tổ chức thực hiện tốt công tác lập hồ sơ báo giảm thẻ BHYT khi đối tượng chết, chuyển đi nơi khác.

5.3. Chính sách hỗ trợ về nhà ở:

- Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, nắm chắc số lượng, danh sách hộ nghèo thật sự khó khăn về nhà ở, kịp thời báo cáo đề xuất với các ngành cấp trên tổng hợp, phê duyệt hỗ trợ trong năm 2021 và giai đoạn 2021-2025. Tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của các đơn vị, doanh nghiệp của tỉnh, huyện và các nguồn kinh phí vận động được để hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, trong đó ưu tiên cho nhóm hộ gia đình có đối tượng bảo trợ xã hội, có người già yếu, neo đơn thật sự khó khăn về nhà ở. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, cùng với việc hướng dẫn và có sự hỗ trợ để một bộ phận hộ nghèo thiếu hụt về diện tích ở bình quân thực hiện việc cơi nới, mở rộng diện tích nhà ở.

- Giao Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện chủ trì tham mưu, đề xuất triển khai các chính sách hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo theo các đề án, chương trình của Trung ương, của tỉnh và từ nguồn kinh phí do các tổ chức, doanh nghiệp tài trợ thực hiện. Đề nghị UBMTTQ huyện quan tâm, bố trí nguồn Quỹ Vì người nghèo huyện để hỗ trợ làm nhà ở cho các gia đình hộ nghèo thật sự khó khăn về nhà ở. Các ngành, hội đoàn thể của huyện tiếp tục phát huy kết quả triển khai các cuộc vận động đóng góp

kinh phí để làm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết đối với các gia đình là hội viên, thành viên của tổ chức mìn thuộc hộ nghèo khó khăn về nhà ở. UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác rà soát, nắm chắc số lượng và danh sách hộ nghèo tại từng thôn buôn thật sự khó khăn về nhà ở, phân loại theo thứ tự ưu tiên trong hỗ trợ thực hiện; huy động các nguồn lực của các tổ chức, các đơn vị hảo tâm và cộng đồng dân cư để hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở cả về chất lượng và diện tích; tuyên truyền, vận động để gia đình hộ nghèo thực hiện việc cơi nới, mở rộng diện tích nhà ở, đổi mới với các hộ thiêu nhân công cần quan tâm phân công các lực lượng của địa phương để giúp đỡ, hỗ trợ ngày công.

5.4. Chính sách về nước sạch và vệ sinh:

- Tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ nước sinh hoạt cho nhân dân, đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo theo quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tuyên truyền, vận động nhân dân, đồng bào DTTS sử dụng các nguồn nước hợp vệ sinh để sinh hoạt; nghiên cứu, bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa các công trình nước sinh hoạt tại các thôn, buôn đặc biệt khó khăn thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh; chỉ đạo triển khai có hiệu quả chương trình tín dụng cho hộ gia đình vay vốn để làm các công trình nước sinh hoạt. Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân làm công trình nhà xí, nhà tiêu hợp vệ sinh; tiếp tục nghiên cứu, bố trí nguồn kinh phí để hỗ trợ cho một số hộ nghèo đồng bào DTTS làm các công trình vệ sinh mẫu để nhân rộng, từng bước giảm số hộ nghèo thiếu hụt, không có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Giao Phòng Nông nghiệp&PTNT huyện tham mưu, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả chương trình cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nâng tỷ lệ người dân hưởng lợi và sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện; rà soát, đề xuất đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt cho nhân dân tại các thôn buôn chưa có công trình nước sinh hoạt. Trạm nước sinh hoạt huyện thường xuyên rà soát, phát triển hệ thống cấp nước đến những khu vực, các điểm dân cư mới phát sinh nằm trong khả năng phục vụ của mình, cải thiện và nâng cao chất lượng nước sinh hoạt phục vụ cho nhân dân. Phòng Dân tộc huyện tiếp tục tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS theo Quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Phòng Tài nguyên- Môi trường huyện tham mưu, đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hiện có hiệu quả chương trình vệ sinh môi trường, đặc biệt đối với việc vận động người dân vùng DTTS trong công tác làm chuồng trại nuôi nhốt gia súc, làm nhà xí hợp vệ sinh. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện tăng cường triển khai và thực hiện đúng quy định đối với việc cho vay vốn để xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình nước sạch, công trình vệ sinh, đảm bảo người dân được vay vốn và sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích. UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác phối hợp triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ về nước sạch vệ sinh môi trường; Tổ chức tốt công tác vận động nhân dân, đặc biệt là người đồng bào DTTS thực hiện tốt việc sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh để ăn uống; bố trí khu vực nuôi nhốt gia súc, gia cầm hợp lý, đảm bảo vệ sinh; vận động hộ đồng bào DTTS xây

dụng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; giám sát, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện chương trình tín dụng ưu đãi cho vay vốn làm các công trình nước sạch và vệ sinh.

5.5. Chính sách hỗ trợ tiếp cận thông tin:

- Quan tâm bố trí lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình để đầu tư đầy đủ và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền từ huyện đến xã, thôn. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cung cấp đường truyền kết nối mạng internet, mạng viễn thông không dây đến đầy đủ các xã, các thôn buôn trong toàn huyện, đảm bảo nhu cầu tiếp cận thông tin của nhân dân. Cải thiện và nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hoá tại cơ sở; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao tại cơ sở để tạo điều kiện cho người dân tham gia các hoạt động, hưởng thụ văn hoá, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân.

- Giao Phòng Văn hóa-Thông tin huyện tham mưu, đề xuất đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh ở cấp huyện và cơ sở, phát triển mạng viễn thông đến khu vực các xã, các thôn buôn xa trung tâm huyện và hoàn thiện các thiết chế văn hoá tại cơ sở tạo điều kiện để người nghèo, đồng bào DTTS, nhân dân sống ở vùng khó khăn có điều kiện được tiếp cận với các dịch vụ truyền thông, phát thanh truyền hình, tiếp cận thông tin, hưởng thụ văn hoá. Trung tâm Văn hóa Thông tin và thể thao huyện thường xuyên cập nhật và đưa tin về công tác lãnh đạo chỉ đạo, tình hình triển khai, kết quả thực hiện chương trình, đặc biệt quan tâm đến việc đưa tin, giới thiệu các mô hình có hiệu quả, các cách làm hay, có thể áp dụng nhân rộng, có địa chỉ cụ thể để người dân tham khảo, học tập, làm theo; chú trọng đến việc truyền tải thông tin bằng cả tiếng kinh và tiếng đồng bào DTTS; phối hợp tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao tại cơ sở. UBND các xã, thị trấn quản lý và phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá tại cơ sở; phối hợp triển khai các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo các phương tiện nghe nhìn thuộc dự án hỗ trợ giảm nghèo về thông tin; tích cực và thường xuyên triển khai các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao cho nhân dân tham gia.

5.6. Chính sách ưu đãi về tín dụng, vay vốn ngân hàng chính sách:

- Triển khai đúng quy định và có hiệu quả các chương trình tín dụng, trong đó đặc biệt quan tâm đối với nguồn vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và cho vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, đảm bảo mục đích và hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay.

- Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đảm bảo cung cấp đủ nguồn vốn vay đáp ứng nhu cầu vay vốn của các nhóm đối tượng; Theo dõi, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với việc sử dụng nguồn vốn vay đảm bảo đúng mục đích, sử dụng có hiệu quả, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo. UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt việc quản lý từng nhóm đối tượng tham gia vay vốn các chương trình, trên cơ sở đó kịp thời chỉ đạo, phân công các ban, đoàn thể cấp xã và các chi hội đoàn thể tại thôn buôn để phụ trách hướng dẫn hộ sử dụng nguồn vốn vay, hướng cách thức làm ăn, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, phát triển kinh tế, sử dụng nguồn vốn vay có hiệu quả.

5.7. Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm:

- Tiếp tục triển khai các chương trình dạy nghề cho lao động ở cả trình độ sơ cấp và đào tạo nghề ngắn hạn dưới 3 tháng, chú trọng đến việc nắm bắt nhu cầu học nghề, xác định các danh mục ngành nghề cần thiết, phù hợp để đào tạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dạy nghề cho người lao động. Đẩy mạnh triển khai các hình thức để giải quyết việc làm cho người lao động như: cung cấp thường xuyên các thông tin định hướng về thị trường lao động việc làm trong và ngoài nước; giới thiệu các đơn vị doanh nghiệp trong nước có nhu cầu sử dụng lao động xuống địa bàn các xã, thị trấn để tuyển dụng lao động; giới thiệu các đơn vị doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo, chủ động liên kết với các tổ chức, các cơ sở đào tạo nghề tổ chức các lớp, các mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, của thị trường xuất khẩu lao động; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm; gắn kết việc giải quyết việc làm cho người lao động thông qua các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội.

- Phòng Lao động TBXH huyện tham mưu triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021, quan tâm ưu tiên hoạt động dạy nghề đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới để nâng cao chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực dạy nghề; tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan, ban ngành, các hội đoàn thể, các địa phương trong triển khai các hình thức giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt quan tâm thực hiện tốt việc phối hợp với Trung tâm Giới thiệu việc làm của tỉnh và Phòng Việc làm của Sở Lao động TBXH tỉnh để nắm bắt, cung cấp, giới thiệu các thông tin về thị trường lao động, tạo nhiều cơ hội cho người lao động tìm kiếm và có việc làm mới phù hợp; phối hợp có hiệu quả với UBND các xã, thị trấn rà soát, nắm bắt nhu cầu vay vốn của lao động nông thôn tham gia học nghề, tuyên truyền và định hướng cho người lao động qua học nghề tham gia vay vốn từ nguồn vốn vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện để giải quyết có hiệu quả việc làm, thu nhập cho người lao động tham gia học nghề; chủ động tham mưu đề xuất việc triển khai hình thức đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm theo đơn đặt hàng, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, của thị trường lao động. Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp-GDTX huyện tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp theo nguồn kinh phí được phân bổ và các hoạt động thuộc chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nghiên cứu và đề xuất việc triển khai giảng dạy các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện có khả năng tạo ra sự chuyển đổi trong cơ cấu ngành sản xuất. UBMTTQ huyện, các Hội đoàn thể quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, hội viên, thành viên thuộc tổ chức mình tích cực đăng ký tham gia các chương trình dạy nghề với các trình độ khác nhau và tham gia các hình thức, các chương trình giải quyết việc làm; hướng dẫn hội viên, thành viên sử dụng các kiến thức, kỹ năng của nghề đào tạo, hướng dẫn cách làm ăn, tạo việc làm phù hợp, ưu tiên hỗ trợ và hướng dẫn hộ sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả để

giúp hộ phát triển kinh tế, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống. Trung tâm Văn hoá Thông tin Thể thao huyện phối hợp với Phòng Lao động TBXH và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền về dạy nghề, giải quyết việc làm cho người lao động; xây dựng các tin bài, phóng sự tuyên truyền về kết quả, hiệu quả của việc tổ chức công tác dạy nghề và công tác giải quyết việc làm. UBND các xã, thị trấn tích cực phối hợp, chỉ đạo triển khai công tác tuyên truyền vận động lao động tham gia các chương trình đào tạo nghề các trình độ, các hình thức giải quyết việc làm và công tác xuất khẩu lao động; thực hiện tốt việc quản lý lực lượng lao động trên địa bàn và số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm.

5.8. Chính sách trợ giúp pháp lý:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các quy định của chính sách trợ giúp pháp luật, trợ giúp pháp lý và hoạt động của các địa chỉ trợ giúp pháp lý đến với nhân dân sâu rộng. Hướng dẫn và hỗ trợ nhân dân, đồng bào DTTS, hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng yếu thế khác được tiếp cận với các hình thức trợ giúp pháp lý trong thực hiện các quyền, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

- Giao Phòng Tư pháp huyện tham mưu thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và phối hợp với các đơn vị chức năng triển khai thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý.

5.9. Chính sách trợ giúp xã hội:

- Thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống của nhân dân, đặc biệt là trong các thời điểm xảy ra thiên tai, mưa bão, lũ lụt, hạn hán hoặc các vụ việc, sự cố, tai nạn nghiêm trọng để kịp thời can thiệp, hỗ trợ cho nhân dân. Thực hiện tốt công tác quản lý đối tượng và giải quyết các chế độ hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt... đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng các quy định. Ưu tiên hỗ trợ gia đình bảo trợ xã hội nghèo trong thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở, phát triển sản xuất để cải thiện đời sống, nhằm giảm dần số lượng hộ gia đình bảo trợ xã hội nghèo, cận nghèo.

- Giao Phòng Lao động TBXH huyện tham mưu triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định chính sách trợ giúp xã hội cho các nhóm đối tượng yếu thế và phối hợp thực hiện tốt các hoạt động cứu trợ, cứu đói và trợ giúp đột xuất.

5.10. Chính sách hỗ trợ giảm nghèo đói với vùng đồng bào DTTS và miền núi:

- Kịp thời triển khai các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội theo đúng quy định của Trung ương, của tỉnh và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ chương trình để triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo và giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số của năm 2021 và giai đoạn 2021-2025.

- Giao Phòng Dân tộc huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn chủ động tham mưu chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp

thời, đầy đủ, đúng quy định các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

6. Tổ chức kịp thời các cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo:

- Thực hiện tốt công tác quản lý, cập nhật thông tin đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổ chức phân loại cụ thể các chỉ số thiểu hụt đa chiều đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tại từng thôn buôn theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 được quy định tại Nghị định 07/2020/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ, đảm bảo đúng quy trình, xác định đúng đối tượng và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tại từng địa bàn theo tiêu chí mới.

- Giao Phòng Lao động TBXH huyện chủ trì, tham mưu thực hiện tốt cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 áp dụng chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025. UBND các xã, thị trấn chủ động chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2021.

7. Triển khai thực hiện tốt các phong trào thi đua giảm nghèo, các hoạt động phụ trách thôn buôn có tỷ lệ hộ nghèo cao, các hoạt động đỗ đầu, giúp đỡ gia đình chính sách nghèo, cận nghèo:

- Tiếp tục phát động phong trào chung tay vì người nghèo giai đoạn 2021-2025; kịp thời tôn vinh, biểu dương khen thưởng đối với các đơn vị, địa phương, tập thể, cá nhân, hộ gia đình có nhiều thành tích trong tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo. Tích cực triển khai các hoạt động phụ trách thôn buôn, phụ trách hộ nghèo, hộ cận nghèo, đặc biệt là các thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo còn cao và các hộ gia đình chính sách nghèo, cận nghèo, thông qua đó triển khai các hoạt động giúp thôn buôn thực hiện công tác giảm nghèo như định hướng công tác chỉ đạo, xác định chỉ tiêu giảm nghèo, huy động, kết nối nguồn lực, phân công lực lượng giúp hộ nghèo, nhóm hộ nghèo, đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu giảm nghèo. Trên địa bàn huyện hiện nay còn 12 hộ chính sách nằm trong diện hộ cận nghèo, UBND huyện phân công, giao trách nhiệm Thành viên Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện và các cơ quan đơn vị có liên quan tham gia phụ trách, hỗ trợ và giúp đỡ cho 12 hộ chính sách vươn lên thoát cận nghèo (*có danh sách phân công theo Phụ lục 5 gửi theo*)

- Giao Phòng Nội vụ huyện chủ trì, tham mưu phát động phong trào chung tay vì người nghèo giai đoạn 2021-2025 và theo dõi, kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong tham gia thực hiện chương trình hàng năm. Giao Phòng Lao động TBXH huyện theo dõi tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai chương trình giảm nghèo năm 2021. UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý, nắm chắc thực trạng hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo ở từng thôn buôn để phân công các ban, ngành, đoàn thể cấp xã phụ trách giúp thôn buôn thực hiện giảm nghèo và phân công cụ thể từng cán bộ, đảng viên phụ trách hỗ trợ, giúp đỡ gia đình hộ nghèo, đặc biệt là

các trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội, hộ có đăng ký thoát nghèo trong năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

- Từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ và ngân sách huyện cân đối.
- Từ nguồn vốn vay tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội.
- Từ nguồn huy động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, các tập thể cá nhân, các tổ chức từ thiện hỗ trợ.
- Sự tham gia đóng góp của nhân dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Lao động- TB&XH huyện:

Có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn triển khai thực hiện các chương trình, chính sách, dự án, hoạt động thuộc chương trình giảm nghèo bền vững năm 2021. Tham mưu thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định chế độ báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện chương trình định kỳ 6 tháng, cả năm và theo yêu cầu của cấp trên. Chủ động đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hiện hoàn thành, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đề ra trong năm 2021.

2. Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này, đề nghị các cơ quan đơn vị thành viên Ban chỉ đạo các chương trình MTQG huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan phát huy vai trò, trách nhiệm, chủ động phối hợp triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy định các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo; chú trọng triển khai các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đa chiều về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin truyền thông, đào tạo nghề, giải quyết việc làm đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội cơ bản của nhân dân; quá trình triển khai quan tâm đến việc sử dụng lồng ghép các nguồn vốn trong đầu tư, hỗ trợ để tập trung các nguồn lực cho mục tiêu giảm nghèo, phát huy hiệu quả thực hiện giảm nghèo; thực hiện đúng các quy định về thời gian, tiến độ, việc giải ngân và thanh quyết toán nguồn kinh phí các chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo.

- Tích cực tham gia các phong trào thi đua thực hiện giảm nghèo được phát động. Tổ chức tốt các hoạt động giúp thôn buôn, giúp hộ nghèo, cận nghèo thoát nghèo bền vững.

3. Đảng uỷ, UBND các xã, thị trấn:

- Đề nghị Đảng uỷ các xã, thị trấn có Nghị quyết chỉ đạo việc thực hiện chương trình giảm nghèo tại địa phương. Yêu cầu UBND các xã, thị trấn hoàn thành việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2021. Kế hoạch được xây dựng phải chi tiết, cụ thể, đánh giá được thực trạng nghèo, các chỉ tiêu thiếu hụt, các đặc điểm của hộ nghèo, từ đó đề ra các giải pháp thực hiện sát thực tế, có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng thôn, buôn, TDP.

- Quản lý chắc thực trạng hộ nghèo tại từng thôn, buôn. Lập 02 loại danh sách: danh sách thứ nhất gồm những hộ không có khả năng thoát nghèo vì các nguyên nhân như có người ốm đau nặng thường xuyên, già yếu neo đơn, chây lười lao động, mắc tệ nạn xã hội...); danh sách thứ hai là những hộ có khả năng thoát nghèo, đăng ký thoát nghèo trong năm. Đối với danh sách hộ đăng ký thoát nghèo phải đánh giá được nguyên nhân nghèo đa chiều của từng hộ, dự kiến giải pháp hỗ trợ, thời gian thực hiện và phân công lực lượng thực hiện. Trong quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tập trung sự ưu tiên hỗ trợ để những hộ đăng ký thoát nghèo có điều kiện và cơ hội vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành cấp huyện chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chương trình giảm nghèo trên địa bàn, đồng thời kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả các chính sách, các dự án của chương trình giảm nghèo được triển khai thực hiện đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng và chế độ quy định.

- Quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động thực hiện giảm nghèo đa chiều. Phối hợp tổ chức triển khai thường xuyên các hoạt động có liên quan đến công tác dạy nghề, giới thiệu việc làm, tạo các điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS có cơ hội có việc làm để tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

- Chú trọng triển khai các hình thức huy động các nguồn lực tại địa phương trong thực hiện giảm nghèo, đặc biệt là sự tham gia đóng góp, hỗ trợ của các đơn vị doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn cho công tác giảm nghèo và sự tham gia đóng góp mang tính đối ứng của hộ nghèo, hộ cận nghèo trong quá trình thực hiện các dự án giảm nghèo để nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện của hộ.

4. Chế độ báo cáo:

Đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo 6 tháng (*trước ngày 10/6*), cả năm (*trước 15/10*) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về UBND huyện (*qua Phòng Lao động TBXH huyện*).

Trên đây là kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021, UBND huyện đề nghị các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục cụ thể hóa với những giải pháp thực hiện có hiệu quả, sát thực tế, tổ chức triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra./.

Noi nhận:

- Sở Lao động TBXH tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBMTTQ huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo CTMTQG huyện;
- Các cơ quan liên quan;
- UBND các xã, TT;
- Lưu VT.



Ksor Tin

PHỤ LỤC 1

CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO NĂM 2021

(Ban hành kèm theo kế hoạch số: 40/KH-UBND ngày 21/3/2021 của UBND huyện)

| T T | Tên xã, thị trấn | Thực hiện năm 2020 | | | Kế hoạch năm 2021 | | | |
|-------------------|-------------------------|--------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------|----------------------------------|------------|
| | | Số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo | Số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo | |
| 1 | TT. Phú Túc | 107 | 3,29 | 0,77 | 65 | 1,99 | 1,31 | 42 |
| 2 | Xã Phú Cần | 63 | 4,12 | 1,34 | 44 | 2,84 | 1,28 | 19 |
| 3 | Xã Chư Gu | 145 | 7,74 | 6,92 | 110 | 5,74 | 2,00 | 35 |
| 4 | Xã Chư Rcăm | 167 | 11,70 | 3,44 | 111 | 7,71 | 3,99 | 56 |
| 5 | Xã Ia Rsai | 203 | 15,69 | 4,34 | 145 | 10,98 | 4,70 | 58 |
| 6 | Xã Ia Rsiom | 259 | 15,29 | 3,02 | 185 | 10,69 | 4,60 | 74 |
| 7 | Xã Uar | 76 | 6,80 | 6,47 | 53 | 4,63 | 2,17 | 23 |
| 8 | Xã Chư Drăng | 226 | 15,30 | 4,77 | 160 | 10,60 | 4,71 | 66 |
| 9 | Xã Ia Rmok | 242 | 18,69 | 4,73 | 185 | 14,02 | 4,67 | 57 |
| 10 | Xã Ia Hdréh | 192 | 18,48 | 6,50 | 145 | 13,68 | 4,80 | 47 |
| 11 | Xã Krông Năng | 168 | 22,19 | 5,96 | 134 | 17,18 | 5,01 | 34 |
| 12 | Xã Chư Ngọc | 197 | 17,18 | 4,64 | 145 | 12,39 | 4,78 | 52 |
| 13 | Xã Ia Mláh | 45 | 4,88 | 1,40 | 33 | 3,47 | 1,40 | 12 |
| 14 | Xã Đất Băng | 252 | 23,64 | 6,73 | 202 | 18,53 | 5,11 | 50 |
| Tổng cộng: | | 2.342 | 11,78 | 3,75 | 1.717 | 8,48 | 3,30 | 625 |

PHỤ LỤC 2
CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO ĐỒNG BÀO DTTS NĂM 2021
(Ban hành kèm theo kế hoạch số: 40/KH-UBND ngày 2/3/2021 của UBND huyện)

| TT | Tên xã, thị trấn | Thực hiện năm 2020 | | | Kế hoạch năm 2021 | | | |
|-------------------|------------------|--------------------|--|---|-------------------|--|---|--------------------------------|
| | | Số hộ nghèo DTTS | Tỷ lệ hộ nghèo DTTS so với dân cư DTTS | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS | Số hộ nghèo DTTS | Tỷ lệ hộ nghèo DTTS so với dân cư DTTS | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS | Số hộ nghèo DTTS giảm năm 2021 |
| 1 | TT. Phú Túc | 59 | 10,59 | 5,54 | 32 | 5,71 | 4,88 | 27 |
| 2 | Xã Phú Cần | 61 | 6,33 | 1,89 | 42 | 4,33 | 2,00 | 19 |
| 3 | Xã Chư Gu | 130 | 9,92 | 8,37 | 97 | 7,35 | 2,58 | 33 |
| 4 | Xã Chư Rcăm | 127 | 16,08 | 5,37 | 79 | 9,94 | 6,14 | 48 |
| 5 | Xã Ia Rsai | 187 | 17,83 | 5,16 | 132 | 12,51 | 5,31 | 55 |
| 6 | Xã Ia Rsiom | 222 | 26,91 | 4,19 | 156 | 18,68 | 8,23 | 66 |
| 7 | Xã Uar | 67 | 9,97 | 9,14 | 46 | 6,81 | 3,16 | 21 |
| 8 | Xã Chư Drăng | 210 | 18,40 | 5,95 | 147 | 12,73 | 5,68 | 63 |
| 9 | Xã Ia Rmok | 242 | 19,04 | 5,01 | 185 | 14,43 | 4,61 | 57 |
| 10 | Xã Ia Hdréh | 192 | 19,51 | 6,78 | 145 | 14,57 | 4,94 | 47 |
| 11 | Xã Krông Năng | 167 | 22,48 | 6,24 | 133 | 17,66 | 4,81 | 34 |
| 12 | Xã Chư Ngọc | 193 | 19,18 | 5,37 | 142 | 14,06 | 5,13 | 51 |
| 13 | Xã Ia Mláh | 43 | 5,89 | 1,88 | 32 | 4,35 | 1,54 | 11 |
| 14 | Xã Đất Băng | 251 | 24,80 | 7,45 | 201 | 19,71 | 5,10 | 50 |
| Tổng cộng: | | 2.151 | 16,48 | 5,70 | 1.569 | 11,92 | 4,56 | 582 |

PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH GIẢM CÁC CHỈ SỐ CỦA HỘ NGHÈO TRONG TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI NĂM 2021

| STT | Xã/ Phường/ Thị trấn | Năm | Số hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo | Phân loại số hộ thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|---------------------|-------------|----------------|---|-----------------|---|-----------------|--|-----------------|-------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|---|-----------------|-----------------------------------|-----------------|---|-----------------|------------------------------------|-----------------|--|
| | | | | | Về giáo dục | | | | Y tế- chăm sóc sức khoẻ | | | | Nhà ở | | | | Nước sinh hoạt và vệ sinh | | | | Viễn thông và tiếp cận thông tin | | | | |
| | | | | | Số hộ thiểu hụt về trình độ giáo dục người lớn | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt về tình trạng di học của trẻ em | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt về tiếp cận dịch vụ y tế | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt Bảo hiêm y tế | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt về chất lượng nhà ở | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt diện tích nhà ở | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt về nguồn nước sinh hoạt | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt về hộ xí nhà tiêu | Tỷ lệ thiểu hụt | Số hộ thiểu hụt về sử dụng dịch vụ viễn thông | Tỷ lệ thiểu hụt | Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin | Tỷ lệ thiểu hụt | |
| 1 | Thị trấn Phú Túc | Thực hiện năm 2020 | 107 | 3,29 | 20 | 18,7 | 18 | 16,8 | 14 | 13,1 | 55 | 51,4 | 35 | 32,7 | 46 | 43,0 | 0 | 0,0 | 92 | 86,0 | 11 | 10,3 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 65 | 1,99 | 10 | 15,4 | 8 | 12,3 | 0 | 0,0 | 25 | 38,5 | 20 | 30,8 | 26 | 40,0 | 0 | 0,0 | 51 | 78,5 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 42 | 1,31 | 10 | 3,3 | 10 | 4,5 | 14 | 13,1 | 30 | 12,9 | 15 | 1,9 | 20 | 3,0 | 0 | 0,0 | 41 | 7,5 | 11 | 10,3 | 0 | 0,0 | |
| 2 | Xã Phú Cản | Thực hiện năm 2020 | 63 | 4,12 | 23 | 36,5 | 18 | 28,6 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 39 | 61,9 | 31 | 49,2 | 0 | 0,0 | 62 | 98,4 | 11 | 17,5 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 44 | 2,84 | 15 | 34,1 | 11 | 25,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 25 | 56,8 | 19 | 43,2 | 0 | 0,0 | 40 | 90,9 | 5 | 11,4 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 19 | 1,28 | 8 | 2,4 | 7 | 3,6 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 14 | 5,1 | 12 | 6,0 | 0 | 0,0 | 22 | 7,5 | 6 | 6,1 | 0 | 0,0 | |
| 3 | Xã Chư Gu | Thực hiện năm 2020 | 145 | 7,74 | 37 | 25,5 | 54 | 37,2 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 35 | 24,1 | 55 | 37,9 | 77 | 53,1 | 130 | 89,7 | 1 | 0,7 | 1 | 0,7 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 110 | 5,74 | 24 | 21,8 | 36 | 32,7 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 21 | 19,1 | 35 | 31,8 | 49 | 44,5 | 90 | 81,8 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 35 | 2,00 | 13 | 3,70 | 18 | 4,51 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 14 | 5,05 | 20 | 6,11 | 28 | 8,56 | 40 | 7,84 | 1 | 0,69 | 1 | 0,69 | |
| 4 | Xã Chư Rćam | Thực hiện năm 2020 | 167 | 11,70 | 70 | 41,9 | 19 | 11,4 | 2 | 1,2 | 34 | 20,4 | 35 | 21,0 | 54 | 32,3 | 3 | 1,8 | 153 | 91,6 | 40 | 24,0 | 6 | 3,6 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 111 | 7,71 | 42 | 37,8 | 7 | 6,3 | 0 | 0,0 | 20 | 18,0 | 17 | 15,3 | 29 | 26,1 | 0 | 0,0 | 93 | 83,8 | 17 | 15,3 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 56 | 3,99 | 28 | 4,08 | 12 | 5,07 | 2 | 1,20 | 14 | 2,34 | 18 | 5,64 | 25 | 6,21 | 3 | 1,80 | 60 | 7,83 | 23 | 8,64 | 6 | 3,59 | |
| 5 | Xã Ia Rsaí | Thực hiện năm 2020 | 203 | 15,69 | 134 | 66,0 | 35 | 17,2 | 4 | 2,0 | 0 | 0,0 | 12 | 5,9 | 118 | 58,1 | 90 | 44,3 | 199 | 98,0 | 26 | 12,8 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 145 | 10,98 | 89 | 61,4 | 18 | 12,4 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 2 | 1,4 | 75 | 51,7 | 52 | 35,9 | 131 | 90,3 | 10 | 6,9 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 58 | 4,70 | 45 | 4,63 | 17 | 4,83 | 4 | 1,97 | 0 | 0,00 | 10 | 4,53 | 43 | 6,40 | 38 | 8,47 | 68 | 7,68 | 16 | 5,91 | 0 | 0,00 | |
| 6 | Xã Ia Rsiom | Thực hiện năm 2020 | 259 | 15,29 | 152 | 58,7 | 36 | 13,9 | 3 | 1,2 | 0 | 0,0 | 65 | 25,1 | 108 | 41,7 | 0 | 0,0 | 254 | 98,1 | 31 | 12,0 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 185 | 10,69 | 101 | 54,6 | 17 | 9,2 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 37 | 20,0 | 65 | 35,1 | 0 | 0,0 | 167 | 90,3 | 10 | 5,4 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 74 | 4,60 | 51 | 4,09 | 19 | 4,71 | 3 | 1,16 | 0 | 0,00 | 28 | 5,10 | 43 | 6,56 | 0 | 0,00 | 87 | 7,80 | 21 | 6,56 | 0 | 0,00 | |
| 7 | Xã Uar | Thực hiện năm 2020 | 76 | 6,80 | 53 | 69,7 | 7 | 9,2 | 1 | 1,3 | 0 | 0,0 | 31 | 40,8 | 45 | 59,2 | 9 | 11,8 | 76 | 100,0 | 26 | 34,2 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 53 | 4,63 | 34 | 64,2 | 2 | 3,8 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 18 | 34,0 | 27 | 50,9 | 0 | 0,0 | 48 | 90,6 | 14 | 26,4 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 23 | 2,17 | 19 | 5,59 | 5 | 5,44 | 1 | 1,32 | 0 | 0,00 | 13 | 6,83 | 18 | 8,27 | 9 | 11,84 | 28 | 9,43 | 12 | 7,80 | 0 | 0,00 | |
| 8 | Xã Chư Drăng | Thực hiện năm 2020 | 226 | 15,30 | 90 | 39,8 | 42 | 18,6 | 8 | 3,5 | 0 | 0,0 | 105 | 46,5 | 89 | 39,4 | 69 | 30,5 | 221 | 97,8 | 21 | 9,3 | 1 | 0,4 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 160 | 10,60 | 57 | 35,6 | 22 | 13,8 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 67 | 41,9 | 53 | 33,1 | 36 | 22,5 | 144 | 90,0 | 4 | 2,5 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 66 | 4,71 | 33 | 4,20 | 20 | 4,83 | 8 | 3,54 | 0 | 0,00 | 38 | 4,59 | 36 | 6,26 | 33 | 8,03 | 77 | 7,79 | 17 | 6,79 | 1 | 0,44 | |
| 9 | Xã Ia Rmok | Thực hiện năm 2020 | 242 | 18,69 | 114 | 47,1 | 3 | 1,2 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 51 | 21,1 | 180 | 74,4 | 134 | 55,4 | 201 | 83,1 | 43 | 17,8 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 185 | 14,02 | 79 | 42,7 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 30 | 16,2 | 125 | 67,6 | 88 | 47,6 | 140 | 75,7 | 21 | 11,4 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 57 | 4,67 | 35 | 4,40 | 3 | 1,24 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 32 | 4,51 | 43 | 6,53 | 12 | 6,25 | 58 | 7,59 | 19 | 6,69 | 0 | 0,00 | |
| 10 | Xã Ia Hdřeh | Thực hiện năm 2020 | 192 | 18,48 | 84 | 43,8 | 16 | 8,3 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 104 | 54,2 | 137 | 71,4 | 12 | 6,3 | 192 | 100,0 | 38 | 19,8 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 145 | 13,68 | 57 | 39,3 | 5 | 3,4 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 72 | 49,7 | 94 | 64,8 | 0 | 0,0 | 134 | 92,4 | 19 | 13,1 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 47 | 4,80 | 27 | 4,44 | 11 | 4,89 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 32 | 4,51 | 43 | 6,53 | 12 | 6,25 | 58 | 7,59 | 19 | 6,69 | 0 | 0,00 | |
| 11 | Xã Krông Nâng | Thực hiện năm 2020 | 168 | 22,19 | 36 | 21,4 | 6 | 3,6 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 49 | 29,2 | 141 | 83,9 | 14 | 8,3 | 168 | 100,0 | 74 | 44,0 | 8 | 4,8 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 134 | 17,18 | 23 | 17,2 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 33 | 24,6 | 104 | 77,6 | 0 | 0,0 | 124 | 92,5 | 50 | 37,3 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 34 | 5,01 | 13 | 4,26 | 6 | 3,57 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 16 | 4,54 | 37 | 6,32 | 14 | 8,33 | 44 | 7,46 | 24 | 6,73 | 8 | 4,76 | |
| 12 | Xã Chư Ngọc | Thực hiện năm 2020 | 197 | 17,18 | 125 | 63,5 | 8 | 4,1 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 59 | 29,9 | 158 | 80,2 | 0 | 0,0 | 197 | 100,0 | 5 | 2,5 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 145 | 12,39 | 86 | 59,3 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 37 | 25,5 | 107 | 73,8 | 0 | 0,0 | 134 | 92,4 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 52 | 4,78 | 39 | 4,14 | 8 | 4,06 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 22 | 4,43 | 51 | 6,41 | 0 | 0,00 | 63 | 7,59 | 5 | 2,54 | 0 | 0,00 | |
| 13 | Xã Ia Mláh | Thực hiện năm 2020 | 45 | 4,88 | 27 | 60,0 | 16 | 35,6 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 11 | 24,4 | 21 | 46,7 | 2 | 4,4 | 24 | 53,3 | 32 | 71,1 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 33 | 3,47 | 17 | 51,5 | 9 | 27,3 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 5 | 15,2 | 12 | 36,4 | 0 | 0,0 | 12 | 36,4 | 19 | 57,6 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 12 | 1,40 | 10 | 8,48 | 7 | 8,28 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 6 | 9,29 | 9 | 10,30 | 2 | 4,44 | 12 | 16,97 | 13 | 13,54 | 0 | 0,00 | |
| 14 | Xã Đắt Bảng | Thực hiện năm 2020 | 252 | 23,64 | 168 | 66,7 | 33 | 13,1 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 22 | 8,7 | 219 | 86,9 | 99 | 39,3 | 237 | 94,0 | 61 | 24,2 | 0 | 0,0 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 202 | 18,53 | 126 | 62,4 | 17 | 8,4 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 8 | 4,0 | 164 | 81,2 | 63 | 31,2 | 175 | 86,6 | 32 | 15,8 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 50 | 5,11 | 42 | 4,29 | 16 | 4,68 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 14 | 4,77 | 55 | 5,72 | 36 | 8,10 | 62 | 7,41 | 29 | 8,36 | 0 | 0,00 | |
| | Toàn huyện | Thực hiện năm 2020 | 2.342 | 11,78 | 1.133 | 48,4 | 311 | 13,3 | 32 | 1,4 | 89 | 3,8 | 653 | 27,9 | 1.402 | 59,9 | 509 | 21,7 | 2.206 | 94,2 | 420 | 17,9 | 16 | 0,7 | |
| | | Kế hoạch năm 2021 | 1.717 | 8,48 | 760 | 44,3 | 152 | 8,9 | 0 | 0,0 | 45 | 2,6 | 392 | 22,8 | 935 | 54,5 | 288 | 16,8 | 1.483 | 86,4 | 201 | 11,7 | 0 | 0,0 | |
| | | Số hộ và tỷ lệ giảm | 625 | 3,30 | 373 | 4,1 | 159 | 4,4 | 32 | 1,4 | 44 | 1,2 | 261 | 5,1 | 467 | 5,4 | 221 | 5,0 | 723 | 7,8 | 219 | 6,2 | 16 | 0,7 | |

PHỤ LỤC 4

**DANH SÁCH PHÂN CÔNG CÁC CƠ QUAN, BAN NGÀNH HUYỆN
PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 40/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện)

| TT | Cơ quan, đơn vị | Phân công phụ trách xã | Ghi chú |
|----|-----------------------------------|------------------------|---------|
| 1 | Phòng Lao động TBXH huyện | Xã Chu Gu | |
| 2 | Ngân hàng Chính sách xã hội; | | |
| 3 | Phòng Nông nghiệp PTNT huyện | | |
| 4 | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; | Xã Uar | |
| 5 | Phòng Nội vụ huyện; | | |
| 6 | Kho bạc huyện | Xã Ia Rsai | |
| 7 | Ban Chỉ huy Quân sự huyện; | Xã Chu RCăm | |
| 8 | Phòng Dân tộc huyện; | | |
| 9 | Hội cựu chiến binh huyện | Xã Ia HDréh | |
| 10 | Công an huyện | | |
| 11 | Huyện đoàn | Xã Ia RSuom | |
| 12 | Phòng Tài nguyên Môi trường; | | |
| 13 | Hội nông dân huyện | Xã Chu DRăng | |
| 14 | Phòng Văn hoá Thông tin huyện | | |
| 15 | Trung tâm Văn hoá Thông tin huyện | Xã Đất Bằng | |
| 16 | Phòng Giáo dục Đào tạo huyện | | |
| 17 | Hội phụ nữ huyện | Xã Ia Rmok | |
| 18 | Văn phòng HĐND-UBND huyện; | Xã Chu Ngọc | |
| 19 | Uỷ ban MTTQ huyện | | |
| 20 | Ngân hàng Nông nghiệp PTNT | Xã Krông Năng | |
| 21 | Phòng Tài chính Kế hoạch | Xã Phú Cần | |
| 22 | Phòng Tư pháp huyện | Xã Ia Mláh | |
| 23 | Phòng Kinh tế Hạ tầng | Thị trấn Phú Túc | |

PHỤ LỤC 5

DANH SÁCH PHÂN CÔNG CÁC CƠ QUAN, BAN NGÀNH HUYỆN PHỤ TRÁCH GIÚP GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH VƯƠN LÊN THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG TRONG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 40/KH-UBND ngày 22/3/2021 của UBND huyện)

| STT | Họ và tên chủ hộ cận nghèo | Họ và tên người có công | Địa chỉ | | Số khẩu | Thuộc đối tượng | Các cơ quan, đơn vị phụ trách giúp hộ |
|-----|-------------------------------|----------------------------|--------------|----------|------------|-------------------|---|
| | | | Thôn buôn | Xã, TT | | | |
| 1 | Hiao Đức | Rah Lan H' DJít | Chư Jú | Ia Rsai | 7 | Tuất BB | Phòng Nội vụ huyện; Kho bạc huyện |
| 2 | Rah Lan H'Uôn | Rah Lan H'Uôn | Enan | Ia Rsai | 1 | Tuất BB | Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Phòng Dân tộc huyện; |
| 3 | Ksor Nhót | Ksor Nhót | B. Kơ Jing | Ia Hdréh | 7 | Bệnh binh | Công an huyện; Huyện đoàn |
| 4 | Rcom Brúk | Rcom Brúk | B. Ia Klon | Ia Rmok | 6 | Bệnh binh | Phòng Kinh tế Hạ tầng; Hội cựu chiến binh huyện |
| 5 | Đoàn Thị Bốc | Đoàn Thị Bốc | Thôn Sông Ba | Chư RCăm | 1 | Thân nhân liệt sỹ | Phòng Văn hoá Thông tin huyện; Trung tâm Văn hoá Thông tin huyện |
| 6 | Rơ Ô Địa | Rơ Ô Địa | Buôn H' Lang | Chư RCăm | 5 | Tù đày | Phòng Tài nguyên Môi trường; Hội nông dân huyện |
| 7 | Nay H'Juân | Nay H' Pun | Buôn H' Lang | Chư RCăm | 7 | Tù đày | Ủy ban MTTQ huyện; Ngân hàng Nông nghiệp PTNT |
| 8 | Rơ Ô H'Bôî | Rơ Ô H'Bôî | Buôn Du | Chư RCăm | 6 | Tù đày | Phòng Nông nghiệp PTNT huyện; Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; |
| 9 | Rah Lan Ting | Rah Lan Ting | Buôn Du | Chư RCăm | 2 | Tù đày | Phòng Lao động TBXH huyện; Ngân hàng Chính sách xã hội; |
| 10 | Rơ Ô The | Rơ Ô The | Buôn Du | Chư RCăm | 5 | Tù đày | Phòng Tài chính Kế hoạch; Phòng Tư pháp huyện |
| 11 | Hiao H'BLét | Hiao H'BLét | Buôn Du | Chư RCăm | 7 | Tù đày | Phòng Giáo dục Đào tạo huyện; Hội phụ nữ huyện |
| 12 | Rơ Ô Trel | Rah Lan H' Chan | Buôn Du | Chư RCăm | 10 | Thân nhân liệt sỹ | Văn phòng HĐND-UBND huyện |